

Trường THCS Thủy An
Năm học 2024- 2025
Học kì 1

BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Kiểm nhiệm	CN	Phân công chuyên môn		Số tiết
1	Nguyễn Văn Đông	HT			GDĐP(8AB) ₂	2
2	Nguyễn Hương Giang	PHT		LS(6AB) ₃ + GDCCD(6A) ₁		4
3	Nguyễn Thị Liễu	TPT ₁₀		Mĩ thuật (6AB,7ABC,8AB, 9AB) ₉		19
4	Phạm Thị Bích Liên	TT ₃		Văn (8AB,7C) ₁₂ ; LS(9AB) ₃		18
5	Đào Thị Nho		6A ₄	Văn(6A; 9AB) ₁₂ ; GDCCD (9AB,8A) ₃		19
6	Hứa Thị Thơm			Văn(6B,7AB) ₁₂ ; LS(8AB,7AB) ₆ ;		18
7	Dương Thị Hằng		6B ₄	Địa(9AB) ₃ +Địa(8AB) ₃ +Địa (7ABC) _{4,5} +Địa(6AB) ₃ + LS(7C) _{1,5}		19
8	Lưu Thị Quỳnh Mai	TP ₁	8B ₄	Anh(9AB) ₆ +Anh(8AB) ₆	TNHN(8B) ₃	20
9	Nguyễn Thị Như Nguyệt		7A ₄	Anh(7ABC) ₉ +Anh(6AB) ₆		19
10	Nguyễn Thị Hường			Nhạc (6AB,7ABC,8AB, 9AB) ₉ + GDCCD (7ABC) ₃ GDCCD(6B) ₁	TNHN(7B) ₃ +GDĐP (6AB) ₂ +	18
11	Tạ Thị Thúy	TT ₃	7C ₄	KHTN (7ABC) ₁₂		19
12	Nguyễn Quế Chi	PCTCĐ ₃	9A ₄	KHTNHóa(9AB) ₄ + KHTN Hóa(8AB) ₂ +KHTN(6A) ₄	GDĐP(7C) ₁ + GDĐP (9A) ₁	19
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	UVCD ₁	8A ₄	KHTN(6B) ₄ + KHTN Sinh(8AB) ₄ +KHTNSinh (9AB) ₂	TNHN(8A) ₃ + GDĐP (9B) ₁	19
14	Dương Thị Hương Giang	TP ₁	9B ₄	Toán (9AB;8B) ₁₂	TNHN(9B) ₃	20
15	Nguyễn Tuấn Anh	TTND ₂		Toán (6AB, 8A) ₁₂ + KHTNLí(9AB) ₂ + KHTNLí(8AB) ₂		18
16	Nguyễn Thị Dung	TKHĐ ₂	7B ₄	Toán (7ABC) ₁₂	GDĐP(7B) ₁	19
17	Lâm Thị Mây			Thể dục(6AB,7ABC,8AB,9AB) ₁₈	GDĐP(7A) ₁	19
18	Đông Xuân Quang			Tin(6AB,7ABC,8AB,9AB) ₉	TNHN(6AB) ₆ TNHN(7C) ₃	18
19	Nguyễn Thị Hương Giang			CN(8AB) ₃ +CN(7ABC) ₃ + CN(6AB) ₂ +CN(9AB) ₃ +GDCCD (8B) ₁	TNHN(7A) ₃ + TNHN(9A) ₃	18

P.Hiệu trưởng

Nguyễn Hương Giang